

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 220/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 20-9-2018

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Tuấn

2. Bà Trương Thị Kim Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Quốc – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 857/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 270/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Huỳnh Trúc P, sinh năm 1997 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện Đ H, tỉnh L.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thành C, sinh năm 1996 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Ch, xã Đ, huyện Đ H, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/6/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Huỳnh Trúc P trình bày tóm tắt như sau:

Chị và anh Nguyễn Thành C cưới nhau năm 2016, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ H, tỉnh L cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/12/2016. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh C.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị P xác định chị và anh C không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 04/9/2018, bị đơn Nguyễn Thành C trình bày tóm tắt như sau: Anh thống nhất với ý kiến của chị P về thời gian cưới nhau, kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng. Nay chị P xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh C xác định anh và chị P không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh C xác định hai bên không có tài sản chung, không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, anh C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh C không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra chứng cứ, hòa giải. Chị P có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn Nguyễn Thành C có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh C: Chị Nguyễn Huỳnh Trúc P và anh Nguyễn Thành C cưới nhau năm 2016, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ H, tỉnh L cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/12/2016, nên quan hệ hôn nhân của chị P và anh C là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của chị P thấy rằng: Chị P và anh C đều thừa nhận vợ chồng có một số mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, các bên không thể hiện ý chí muốn hòa giải đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P đối với anh C.

[2.3] Về con chung: Chị P và anh C đều thống nhất không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị P và anh C đều thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn Nguyễn Huỳnh Trúc P phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Bị đơn Nguyễn Thành C không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13; Các Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Huỳnh Trúc P được ly hôn với anh Nguyễn Thành C.
2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Huỳnh Trúc P phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Chuyển 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp theo biên lai thu số 0002919 ngày 26/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa sang thi hành án phí, nên chị P không phải nộp tiếp. Anh Nguyễn Thành C không phải chịu án phí.
3. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.
4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã Đ;
- Đương sự;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Khánh